

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/DS-ST
Ngày: 28/6/2022
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
hội.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;
2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “hợp đồng dân sự hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXX-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: tổ 11, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: bà H có tham gia chơi hội do bà Nguyễn Thị T làm chủ cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: hụi 1.000.000 đồng, bắt đầu khui vào ngày 06/02/2019, gồm 26 hụi viên, bà H tham gia một phần, mỗi tháng khui hụi một lần. Bà châu đến lần thứ 25, hốt chót bà T không giao tiền cho bà, dây hụi này bà T nợ bà 25.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp tham gia trong giấy hụi tên là Hà (tên thường gọi tại nhà của bà).

Dây hụi thứ hai: hụi 1.000.000 đồng, bắt đầu khui vào ngày 30/5/2019, gồm 26 hụi viên, bà H tham gia một phần, mỗi tháng khui hụi một lần. Bà châu đến lần thứ 21, bà T ngưng không khui nữa, dây hụi này bà T nợ bà 21.000.000 đồng. Bà là người trực tiếp tham gia trong giấy hụi tên là Hà (tên thường gọi tại nhà của bà).

Tổng cộng 02 dây hụi bà T nợ bà H số tiền 46.000.000 đồng. Trong thời gian tham gia hụi với bà T, ông T là chồng bà T cùng ăn chung, làm chung trong gia đình, việc chơi hụi ông T đều biết, đều tham gia và đều sử dụng số tiền hụi này của bà. Nay bà yêu cầu bà T và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: tờ tự khai Phạm Thị H; giấy hụi (bản photo); đơn xin xác nhận.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Anh T vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: bà H khởi kiện là 02 giấy hụi ngày 06/02/2019 và 30/5/2019, thể hiện bà T làm chủ hụi, bà H tham gia hụi với tư cách hụi viên cùng nhiều hụi viên khác. Trong đó, có bà Võ Thị Nói cùng bà H tham gia dây hụi ngày 06/02/2019 (tên trong danh sách hụi là Mợ 2 Hùng), cho biết trong dây hụi này bà H tham gia 01 phần và vẫn chưa hốt hụi; ông Trần Thanh Hò (tên trong danh sách hụi là Em Hò) có cùng bà H tham gia dây hụi ngày 30/5/2019, do bà T làm chủ, bà H tham gia 01 phần và vẫn chưa hốt hụi. Từ đó, có căn cứ để xác định rằng, bà T có làm chủ hụi đối với 02 dây hụi trên và bà T vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, tự ý ngưng hụi và còn nợ bà H tổng số tiền của 02 dây hụi là 46.000.000 đồng, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả 46.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ Luật dân sự và Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biếu, phường.

Đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Anh T liên đới trả cho bà H số tiền 46.000.000 đồng. Thấy rằng, tại biên bản xác minh ngày 26/4/2022 của Tòa án,

xác định ông T và bà T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Điền A ngày 29/3/2016, vẫn còn chung sống và đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân đang tồn tại nên căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, buộc ông T liên đới cùng bà T trả khoản nợ trên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Anh T.

- Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Anh T trả cho bà Phạm Thị H số tiền 46.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có nơi cư ngụ tại xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trước khi mở phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Quyền khởi kiện: tại các giấy hội bà H cung cấp cho Tòa án để khởi kiện bảo vệ quyền và lợi ích của mình thể hiện tên người tham gia hội do bà T làm chủ hội là “Hà”, tuy nhiên chính quyền địa phương đã xác nhận nội dung bà Phạm Thị H tên thường gọi là Hà. Xét thấy, bà H có căn cứ để xác lập có quyền khởi kiện vụ kiện nêu trên.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T và ông T liên đới trả số tiền hội còn thiếu là 46.000.000 đồng. Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các giấy hội ngày 06/02a1/2019 là 1.000.000 đồng; ngày 30/5a1/2019 là 1.000.000 đồng; đơn xin xác nhận. Ngoài ra còn các lời khai của người làm chứng bà Võ Thị Nói, bà Bùi Thị Bé Tám, ông Trần Thanh Hò là những người cùng tham gia chơi trong các dây hội do bà T làm chủ đều xác định bà H có cùng tham gia chơi hội chung do bà T làm chủ và bà H chưa hốt hội cho đến lúc bà T ngưng không khai hội tiếp. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng phía bà T, ông T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định giữa bà T và bà H có xác lập hợp đồng dân sự hội với nhau hội do bà T làm chủ, bà H hội viên tham gia 02 dây hội đến khi bà T ngưng hội thì còn

nợ bà H số tiền 46.000.000đ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền hui còn nợ 46.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường nên được chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm trả nợ, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông T liên đới trả số nợ trên. Xét thấy bà T và ông T kết hôn năm 2016 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34 do Ủy ban nhân dân xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 29/3/2016 cho đến nay vẫn tồn tại quan hệ vợ chồng, việc bà T mở nhiều dây hui rất nhiều người đến giao nhận tiền với bà T, phía ông T không có ý kiến phản đối với các giao dịch liên quan đến hoạt động kinh tế gia đình của bà T do đó ông T phải chịu trách nhiệm liên đới với bà T để trả số nợ trên cho bà H.

[3] Về án phí: bà T, ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 18, 23 Nghị định 19 ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Huỳnh Anh T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị H số nợ hui 46.000.000đ (*bốn mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí DSST: bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Anh T phải chịu là 2.300.000đ (*hai triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Bà Phạm Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp là 1.150.000đ (*một triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010283 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diễm Thúy